

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2023**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2023**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN/HN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2023	1-2
2	B02-DN/HN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2023	3-3
3	B03-DN/HN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2023	4-4
4	B09-DN/HN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2023	5-20

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2023 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2023 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.554.709.901	464.283.012.220
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	202.494.620.953	241.232.955.468
1 - Tiền	111		202.494.620.953	240.682.955.468
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	550.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	111.700.000.000	122.554.520.548
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		111.700.000.000	122.554.520.548
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.732.608.245	20.597.262.396
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.484.328.325	16.159.204.878
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.546.456.161	2.093.597.714
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.853.804.685	15.805.854.008
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(13.151.980.926)	(13.461.394.204)
IV - Hàng tồn kho	140		39.519.344.901	58.249.942.435
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	39.519.344.901	58.249.942.435
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		31.108.135.802	21.648.331.373
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.710.768.007	2.578.321.423
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.222.755.595	16.101.920.322
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.174.612.200	2.968.089.628
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.932.511.763	270.704.385.207
(200 = 210 + 220 + 230+ 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		182.465.237.726	224.178.916.568
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	182.349.148.820	223.971.827.666
- Nguyên giá	222		1.325.409.216.543	1.323.218.179.148
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.143.060.067.723)	(1.099.246.351.482)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	116.088.906	207.088.902
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(548.565.594)	(457.565.598)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	3.828.605.245	4.239.128.721
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.871.399.406)	(19.460.875.930)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	5.224.629.809	3.439.374.004
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.224.629.809	3.439.374.004
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		141.890.805	94.730.405
1 - Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(395.537.720)	(442.698.120)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		39.272.148.178	38.752.235.509
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	38.381.855.780	37.861.943.111
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	890.292.398	890.292.398
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		648.487.221.664	734.987.397.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2023 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2023 TOÀN CÔNG TY
I	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		166.501.014.846	241.076.721.288
I - Nợ ngắn hạn	310		160.875.564.846	228.755.271.288
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	19.524.315.947	36.959.537.410
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		604.465.000	604.465.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.464.256.247	9.030.964.942
4 - Phải trả người lao động	314		24.946.073.274	54.936.269.184
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	81.160.316	179.499.010
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.982.839.200	13.199.889.446
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	87.561.356.652	89.580.378.976
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	11.624.000.000	23.697.000.000
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.087.098.210	567.267.320
II - Nợ dài hạn	330		5.625.450.000	12.321.450.000
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	-
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	5.625.450.000	12.321.450.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		481.986.206.818	493.910.676.139
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	481.986.206.818	493.910.676.139
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		146.220.778.825	83.086.506.355
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.765.427.993	210.824.169.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		135.312.771.060	(40.744.427.908)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		452.656.933	251.568.597.692
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		648.487.221.664	734.987.397.427

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số : B02-DN
(Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2023**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5	6	7
1 ² Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	138.338.645.911	323.223.725.446	316.785.062.797	555.542.974.788
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	138.338.645.911	323.223.725.446	316.785.062.797	555.542.974.788
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	131.868.169.879	221.391.133.860	301.432.343.527	388.428.378.515
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.470.476.032	101.832.591.586	15.352.719.270	167.114.596.273
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	4.165.892.703	1.708.683.329	10.322.290.749	2.868.813.239
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	939.467.563	3.240.521.103	5.901.450.970	6.926.847.109
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		810.436.111	2.781.426.210	1.678.892.562	6.343.968.389
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	3.411.239.008	7.428.758.542	5.877.404.020	11.618.900.320
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.617.607.396	10.917.346.373	11.719.484.578	19.398.891.609
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		668.054.768	81.954.648.897	2.176.670.451	132.038.770.474
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	13.405.756	61.454.229.626	26.204.531	61.454.229.853
13 - Chi phí khác	32	VI.31	91.957.200	1.735.215	442.136.868	1.735.215
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(78.551.444)	61.452.494.411	(415.932.337)	61.452.494.638
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		589.503.324	143.407.143.308	1.760.738.114	193.491.265.112
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	136.846.391	27.984.395.271	405.240.045	37.894.622.192
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	-	-	-	-
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		452.656.933	115.422.748.037	1.355.498.069	155.596.642.920
19- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		452.656.933	115.422.748.037	1.355.498.069	155.596.642.920
20- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		23	5.771	68	7.780
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ II NĂM 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		1.760.738.114	193.491.265.112
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		44.383.367.762	44.099.886.817
- Các khoản dự phòng	03		(356.573.678)	(20.211.600)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		80.440.457	161.338.242
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.699.008.670)	(616.703.513)
- Chi phí lãi vay	06		1.678.892.562	6.343.968.389
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(61.350.008.110)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.847.856.547	182.109.535.337
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.794.694.492)	9.251.573.594
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.730.597.534	(10.219.035.508)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(60.475.972.081)	36.492.330.801
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(652.359.253)	13.054.124.978
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(497.041.096)	(726.696.636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.365.405.005)	(4.556.453.482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	479.607.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(763.116.500)	(555.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.970.134.346)	225.329.586.084
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.756.276.252)	(3.526.026.694)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(111.700.000.000)	(70.252.904.110)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		122.554.520.548	30.000.000.000
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.002.726.599	1.210.785.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.100.970.895	(42.568.145.098)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII		
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(18.769.000.000)	(114.591.030.420)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.769.000.000)	(114.594.930.420)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(38.638.163.451)	68.166.510.566
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		241.232.955.468	178.500.086.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(100.171.064)	4.087.509.651
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		202.494.620.953	250.754.106.423

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

 Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2023

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51 %

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 504 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2023 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế suy giảm mạnh từ giữa tháng 5 đến cuối quý II. Với nhóm tàu cỡ nhỏ handysize của Công ty tại thị trường Đông Nam Á vẫn trong xu thế âm ảm, mức giá cước liên tục suy giảm, chỉ còn 40-50% so với đỉnh năm ngoái. Trong quý II, đội tàu công ty gồm 06 chiếc có 01 tàu lên đà sửa chữa định kỳ, thời gian nằm đà 30 ngày. Các nguyên nhân này khiến hiệu quả sản xuất kinh doanh đội tàu công ty của quý 2 năm 2023 sụt giảm so với quý trước và sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán quý II** : bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 30/06 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2023 bắt đầu từ ngày 01/04/2023 đến 30/06/2023.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

1- Tiền	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Tiền mặt	1.011.491.000	648.240.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	201.483.129.953	240.034.715.468
- Các khoản tương đương tiền	-	550.000.000
Cộng	202.494.620.953	241.232.955.468
2- Các khoản đầu tư tài chính	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	111.700.000.000	122.554.520.548
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	111.700.000.000	122.554.520.548
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2023</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 11 CP	409.605	409.605
Cộng	112.237.428.525	123.091.949.073
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(395.537.720)	(442.698.120)
Cộng	(395.537.720)	(442.698.120)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	611.948.436	1.515.952.284
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	3.635.289.073	5.635.289.073
- Cohaco Merchandising&Development Corp	4.096.919.413	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	10.140.171.403	9.007.963.521
Cộng	18.484.328.325	16.159.204.878
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Tạm ứng	3.751.979.608	3.377.141.156
- Ký cược, ký quỹ	694.000.000	1.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.329.671.371	1.743.405.671
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-KPCĐ	617.760	-
-BH tai nạn	8.527.886	8.583.886
- Bảo hiểm xã hội	143.935.032	163.492.437
- Bảo hiểm y tế	13.116.711	13.319.045

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Bảo hiểm thất nghiệp	8.432.788	32.931.859
- Thuế TNCN	20.625.904	-
- Lãi dự thu	2.376.753.426	1.680.471.355
- Các khoản phải thu khác	163.656.625	75.021.025
+ Phải thu khác	<u>163.656.625</u>	<u>75.021.025</u>
Cộng	<u>15.853.804.685</u>	<u>15.805.854.008</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
-Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	105.761.500	105.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
- Công ty vận tải biển Hoàn Sơn	3.635.289.073	3.944.702.351
Cộng	<u>13.151.980.926</u>	<u>13.461.394.204</u>
6- Hàng tồn kho	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Nguyên liệu, vật liệu	36.854.950.842	47.906.983.565
- Công cụ, dụng cụ	21.947.000	24.502.000
- Chi phí sản xuất, KD dở dang	2.642.447.059	10.271.117.280
- Hàng hoá	-	47.339.590
Cộng	<u>39.519.344.901</u>	<u>58.249.942.435</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	-	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	5.224.629.809	3.347.416.804
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
+ TSCĐ đang mua sắm	-	-
Cộng	<u>5.224.629.809</u>	<u>3.439.374.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 06 tháng năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng năm 2023

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1 . Số dư đầu kỳ		7.505.449.306	1.315.264.586.535	130.752.694	317.390.613	1.323.218.179.148
2 . Số tăng trong kỳ		148.000.000	2.255.265.940	-	63.545.455	2.466.811.395
Trong đó :						
- Do mua sắm		148.000.000	2.255.265.940		63.545.455	2.466.811.395
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang						-
3 . Số giảm trong kỳ		275.774.000	-	-	-	275.774.000
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác		275.774.000				275.774.000
4 . Số cuối kỳ		7.377.675.306	1.317.519.852.475	130.752.694	380.936.068	1.325.409.216.543
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	9.571.322.005	100.752.694	284.881.522	13.361.602.977
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1 . Đầu kỳ		5.806.296.756	1.093.008.279.779	128.471.599	303.303.348	1.099.246.351.482
2 . Tăng trong kỳ		114.270.876	43.760.602.019	2.142.858	4.828.537	43.881.844.290
- Khấu hao		114.270.876	43.760.602.019	2.142.858	4.828.537	43.881.844.290
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3 . Giảm trong kỳ		68.128.049	-	-	-	68.128.049
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác		68.128.049				68.128.049
4 . Số cuối kỳ		5.852.439.583	1.136.768.881.798	130.614.457	308.131.885	1.143.060.067.723
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1 . Đầu kỳ		1.699.152.550	222.256.306.756	2.281.095	14.087.265	223.971.827.666
2 . Cuối kỳ		1.525.235.723	180.750.970.677	138.237	72.804.183	182.349.148.820
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			169.167.916.014			169.167.916.014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2023

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	457.565.598	457.565.598
2 . Tăng trong kỳ	-	90.999.996	90.999.996
Do trích khấu hao		90.999.996	90.999.996
4 . Số cuối kỳ	-	548.565.594	548.565.594
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	207.088.902	207.088.902
2 . Cuối kỳ	-	116.088.906	116.088.906

10- Tăng, giảm TSCĐ thuế tài chính 06 tháng năm 2023: Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2023

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình			-
4 . Số dư cuối kỳ	23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	19.332.585.784	128.290.146	19.460.875.930
2 . Số tăng trong kỳ	410.523.476	-	410.523.476
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
- Do trích khấu hao	410.523.476		410.523.476
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình			-
4 . Số cuối kỳ	19.743.109.260	128.290.146	19.871.399.406
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	4.239.128.721	-	4.239.128.721
4 . Số dư cuối kỳ	3.828.605.245	-	3.828.605.245

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.710.768.007	2.576.353.897
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.967.526
Cộng	<u>2.710.768.007</u>	<u>2.578.321.423</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	38.381.855.780	37.861.943.111
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>38.381.855.780</u>	<u>37.861.943.111</u>
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
a) Vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
Trong đó :		
+ Nợ ngắn hạn DATC	-	5.000.000.000
b) Vay dài hạn	17.249.450.000	31.018.450.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	11.624.000.000	18.697.000.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	11.624.000.000	18.697.000.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	5.625.450.000	12.321.450.000
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	5.625.450.000	12.321.450.000
Cộng	<u>17.249.450.000</u>	<u>36.018.450.000</u>
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	-	
Cty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	2.031.168.000	2.739.361.500
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	5.294.500.000	10.850.360.000
Monjasa	2.909.295.725	9.012.333.078
Phải trả các đối tượng khác	9.289.352.222	13.265.940.201
Cộng	<u>19.524.315.947</u>	<u>36.959.537.410</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	1.310.769.445	684.399.554
- Thuế TNDN	136.846.391	8.097.011.351
- Thuế thu nhập cá nhân	16.640.411	249.554.037
Cộng	<u>1.464.256.247</u>	<u>9.030.964.942</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

b) Phải thu		
- Tiền thuê đất do được bù trừ	2.049.973.181	2.930.071.581
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	124.639.019	38.018.047
Cộng	2.174.612.200	2.968.089.628
17- Chi phí phải trả	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	81.160.316	-
- Chi phí phải trả khác	-	179.499.010
	81.160.316	179.499.010
18- Phải trả khác	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	65.750.562	181.279.442
- Kinh phí công đoàn	6.686.080	49.188.670
- Bảo hiểm y tế	106.549.382	53.327.330
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.734.973	-
- Thuế TNCN	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.716.471.786	1.733.443.574
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	18.926.389.208	20.868.175.501
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	58.628.174.289	58.628.174.289
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	957.225.372	927.415.170
Cộng	87.561.356.652	89.580.378.976
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.982.839.200	13.176.361.200
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	-	23.528.246
Cộng	1.982.839.200	13.199.889.446
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả :		
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	890.292.398	890.292.398

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng năm 2023**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.518.877.307)	242.413.844.547
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2022			251.568.597.692	251.568.597.692
- Trích lập quỹ		153.784.501	(225.550.601)	(71.766.100)
				-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
- Lãi Quý I /2023			902.841.136	902.841.136
				-
- Lãi Quý II /2023			452.656.933	452.656.933
-Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
				-
				-
Số dư cuối ngày 30/06/2023	200.000.000.000	146.220.778.825	135.765.427.993	481.986.206.818

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
+ Số dư quỹ đầu kỳ	83.086.506.355	82.932.721.854
+ Tăng trong kỳ	63.134.272.470	153.784.501
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận tại công ty con	166.595.058	153.784.501
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	62.967.677.412	-
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	146.220.778.825	83.086.506.355
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu kỳ	567.267.320	1.033.135.100
+ Tăng trong kỳ	13.282.947.390	551.373.100
<i>Thu nhập từ bán cổ phiếu VNA đầu tư từ quỹ phúc lợi</i>	-	479.607.000
<i>Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2022</i>	6.335.639.921	71.766.100
<i>Trích lập quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022</i>	6.335.639.921	-
<i>Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty từ lợi nhuận năm 2022</i>	608.687.548	-
<i>Được ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khen thưởng</i>	2.980.000	-
+ Giảm trong kỳ	763.116.500	555.400.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	13.087.098.210	1.029.108.200
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.368.045,00	9.109.719,85
- Nợ khó đòi đã xử lý:	1.180.624.375	1.180.624.375
- Liana Carrier (USD 2,659.71)	59.231.742	59.231.742
- Sky ocean Shipping (USD 21,776.05)	484.952.633	484.952.633
- Cty TNHH TMDV Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>06 tháng năm 2023</u>	<u>06 tháng năm 2022</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	316.785.062.797	555.542.974.788
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	316.785.062.797	555.542.974.788
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	262.789.310.404	507.336.818.971
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	53.948.370.333	48.206.155.817
+ Doanh thu bán hàng bột đá	47.382.060	
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	316.785.062.797	555.542.974.788
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	251.600.470.937	344.270.976.690
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	49.784.533.000	44.157.401.825
-Giá vốn bán hàng	47.339.590	
Cộng	301.432.343.527	388.428.378.515
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.699.008.670	616.692.713
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.623.282.079	2.252.109.726
Cộng	10.322.290.749	2.868.813.239
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
- Chi phí lãi vay	1.678.892.562	6.343.968.389
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.189.258.893	441.690.751
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	80.440.457	161.338.242
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(47.160.400)	(20.211.600)
- Chi phí tài chính khác	19.458	61.327
Cộng	5.901.450.970	6.926.847.109
30- Thu nhập khác	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	-	61.350.008.110
- Các khoản khác	26.204.531	104.221.743
Cộng	26.204.531	61.454.229.853
31- Chi phí khác	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
- Các khoản bị phạt	137.733.480	1.735.215
- Các khoản khác	304.403.388	
Cộng	442.136.868	1.735.215
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
a) Chi phí bán hàng	5.877.404.020	11.618.900.320
Hoa hồng phí cho các tàu	5.877.404.020	11.618.900.320
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.719.484.578	19.398.891.609
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	421.823.987	624.597.682
Chi phí nhân công	8.685.515.220	15.917.579.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.522.755	383.430.965
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(309.413.278)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.314.737	954.522.558
Chi phí khác bằng tiền	1.550.721.157	1.511.760.954
Cộng	17.596.888.598	31.017.791.929

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	<u>06 tháng năm 2023</u>	<u>06 tháng năm 2022</u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :		
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.158.182.155	173.320.298.712
- Nhiên liệu	99.583.107.030	163.866.642.295
- Nguyên liệu, vật liệu	9.575.075.125	9.453.656.417
33.2- Chi phí nhân công	43.662.197.708	75.151.401.565
- Tiền lương	35.239.335.000	66.760.861.720
- BHXH	3.629.258.850	3.433.659.538
- Bảo hiểm y tế	465.469.382	409.500.713
- Bảo hiểm thất nghiệp	207.386.220	(21.375)
- Kinh phí công đoàn	415.667.256	403.964.969
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.705.081.000	4.143.436.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.383.367.762	44.099.886.817
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.245.990.910	123.709.644.458
33.6- Chi phí khác bằng tiền	5.212.897.057	3.164.938.892
Cộng	<u>311.662.635.592</u>	<u>419.446.170.444</u>
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	405.240.045	37.894.622.192
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>06 tháng năm 2023</u>	<u>06 tháng năm 2022</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	18.769.000.000	(94.591.030.420)
- Tiền trả nợ gốc vay	18.769.000.000	(94.591.030.420)

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

	<u>06 tháng năm 2023</u>	<u>06 tháng năm 2022</u>
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý khác	2.525.057.567	2.337.592.994
Ông Trần Văn Nghi - Chủ tịch HĐQT	599.200.037	491.050.960
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	24.000.000	116.370.381
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	581.093.732	448.680.632
Ông Trần Dũng Chiến - Thành viên HĐQT	24.000.000	344.566.503
Ông Đào Trọng Sử - Thành viên HĐQT	24.000.000	4.000.000
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	407.058.505	312.231.351
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	422.325.394	283.598.432
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	383.379.899	301.094.735
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	19.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	4.000.000
Bà Phan Nha Trang - Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	13.000.000

2. Giao dịch với các bên liên quan**2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam**

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000
	<u>06 tháng năm 2023</u>	<u>06 tháng năm 2022</u>
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý II năm 2023	06 tháng Năm 2023	Quý II năm 2022	06 tháng Năm 2022
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	124.297.520.028	262.789.310.404	287.199.699.646	507.336.818.971
- Chi phí	127.080.347.008	267.499.945.825	205.400.905.224	373.650.883.344
- Lợi nhuận	(2.782.826.980)	(4.710.635.421)	81.798.794.422	133.685.935.627
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	14.041.125.883	53.995.752.393	36.024.025.800	48.206.155.817
- Chi phí	13.816.669.275	51.529.286.300	34.336.333.551	45.795.287.100
- Lợi nhuận	224.456.608	2.466.466.093	1.687.692.249	2.410.868.717
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	4.165.892.703	10.322.290.749	1.708.683.329	2.868.813.239
- Chi phí tài chính	939.467.563	5.901.450.970	3.240.521.103	6.926.847.109
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	3.226.425.140	4.420.839.779	(1.531.837.774)	(4.058.033.870)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	13.405.756	26.204.531	61.454.229.626	61.454.229.853
- Chi phí hoạt động khác	91.957.200	442.136.868	1.735.215	1.735.215
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	(78.551.444)	(415.932.337)	61.452.494.411	61.452.494.638

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC




Dương Ngọc Tú